BÀN VỀ NỘI DUNG GIẢNG DẠY MÔN DỊCH KINH TẾ THƯƠNG MẠI

Hà Văn Riễn[*]

Tóm tắt

Giảng dạy dịch là một trong các môn học chủ đạo của các Khoa ngoại ngữ tại Trường Đại học Ngoại thương. Tại sao phải có dịch thuật, và dịch có các hình thức nào. Phát triển của lý thuyết dịch, các cơ sở ngôn ngữ học của dịch thuật, vấn đề giao thoa ngôn ngữ và giao thoa văn hóa trong dịch thuật, vấn đề chuyển dịch tương đương và các khó khăn trong giảng dạy dịch là các vấn đề được đề cập trong bài báo này.

Từ khóa: *dịch thuật, tương đương, giao thoa văn hóa, giao thoa ngôn ngữ, hà văn riễn, tình thái.*

Mã số: 190.071015. Ngày nhận bài: 07/10/2015. Ngày hoàn thành biên tập: 23/11/2015. Ngày duyệt đăng: 25/11/2015.

Summary

Teaching translation is one of the main study subjects of the Foreign Language Faculties at the Foreign Trade University. Why do we have translators and how many forms of translation exist? Development of the theory of translation, the linguistics basis of translation, problems of language interference and acculturation in translation, problems of translation equivalence and difficulties in teaching translation are the problems mentioned in this article

Key words: *translation, equivalence, acculturation, language interference, ha van rien, modality.*

Paper No.190.071015. Date of receipt: 07/10/2015. Date of revision: 23/11/2015. Date of approval: 25/11/2015.

1. Đặt vấn đề

Khoa Tiếng Pháp đã đưa môn Dịch kinh tế thương mại vào giảng dạy cho sinh viên từ năm thứ 4 ở cả hai chuyên ngành Kinh tế đối ngoại, Tiếng Pháp thương mại.

Chúng ta sẽ giảng dạy và cung cấp cho sinh viên những gì trong khoảng thời gian vật chất cho phép thực sự là không nhiều trong tổng thời gian giảng dạy của Chương trình Tiếng Pháp của Khoa.

Thực tế trực tiếp giảng dạy môn Dịch kinh tế thương mại cho sinh viên ở các chuyên ngành trong nhiều năm qua, chúng tôi thấy trình độ sinh viên rất chênh lệch. Lý do giải thích điều này là do sinh viên được đào tạo tiếng Pháp từ trước ở các Trường Phổ thông trung học (PTTH) nhiều nơi khác nhau. Thi tuyển sinh hình thức ba chung cũng là nguyên do vì sao chúng ta không phân biệt được và không tuyển chọn được cho mình các khóa sinh viên có chất lượng đầu vào như nhau. Sinh viên vốn là các học sinh trường chuyên ngữ, các lớp song ngữ có khối lượng giờ học tiếng Pháp nhiều hơn so với sinh viên vốn là học sinh đến từ các trường PTTH không chuyên ngữ. Thực tế vênh nhau về trình độ đầu vào những năm qua ở các Khóa đã làm cho việc thiết kế một chương trình giảng dạy sao cho phù hợp với

[*] TS, Trường Đại học Ngoại thương; Email: vantue257@yahoo.com

một đối tượng không đồng đều không phải là không gặp khó khăn nhất định. Giá như sau này chúng ta được quyền về tuyển sinh như những năm trước, chúng ta tự ra đề thi, chấm thi…tôi nghĩ sẽ sát với trình độ của các thí sinh tham gia dự thi và chắc chắn sẽ chọn lọc được các sinh viên mới có chất lượng.

Có nhiều vấn đề cần trao đổi liên quan đến dịch thuật. Có thể nói Dịch thuật là một môn khoa học có sử dụng kiến thức của nhiều môn: từ vựng, ngữ pháp, ngữ dụng, tình thái, diễn ngôn, văn hóa văn minh…

Tác giả xin phép trình bày sơ lược, chấm phá dưới đây nội dung chính nên phát triển ở Chương trình giảng dạy Dịch cho sinh viên của Trường ĐH Ngoại thương.

2. Nội dung của giáo trình dạy dịch

2.1. Sự cần thiết phải có dịch thuật

Như chúng ta đã biết, cách đây hàng triệu năm con người đã xuất hiện cùng với ngôn ngữ của mình. Trải qua quá trình phát triển lịch sử xã hội phân chia thành từng vùng lãnh thổ, cùng với sự đa dạng của các cộng đồng con người, đã xuất hiện sự đa dạng của ngôn ngữ. Nhu cầu giao tiếp giữa cộng đồng người có tiếng nói khác nhau đó làm xuất hiện sự cần thiết của dịch thuật. Dịch nói hay dịch viết là một hoạt động cũng lâu đời như tiếng nói và chữ viết của con người.

Nhu cầu dịch thuật cũng tăng lên trong đời sống hiện đại, khi trình độ của các dân tộc ngày càng phát triển và nhu cầu tiếp xúc, giao lưu giữa các dân tộc trở thành một nhu cầu không thể thiếu được. Từ những năm 50, người ta đã chứng kiến một sự gia tăng không ngừng của các ấn phẩm, các tài liệu dịch, cũng như chứng kiến một sự phát triển của các quan hệ của các tổ chức quốc tế. Ở Cộng đồng chung châu Âu, mỗi năm người ta dịch gần nửa triệu trang sách. 90% lượng thông tin được lưu trữ trong các văn bản tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Đức. Để đáp ứng nhu cầu đó, các trường phiên biên dịch đã được xây dựng, các hiệp hội quốc gia và quốc tế đã được hình thành để hỗ trợ và phát triển công tác dịch thuật. Xã hội thay đổi, thị trường của dịch thuật cũng thay đổi và ngày nay, hơn bao giờ hết, dịch thuật đóng một vai trò quan trọng trong hoạt động giao tiếp giữa các dân tộc.

Dịch thuật kinh tế thương mại cũng nằm trong nhu cầu đó.

2.2. Các hình thức dịch thuật

Có thể phân ra nhiều kiểu dịch khác nhau, tùy theo tiêu chí được lựa chọn để phân chia. Tựu chung lại, Nguyễn Hồng Cổn cho chúng ta thấy có ba tiêu chí cụ thể như sau:

a. Dựa vào số lượng và tính chất của các thành tố ngôn ngữ được dịch. Theo tiêu chí này, chúng ta thấy có hai kiểu dịch sau:

* Dịch đối ứng: là kiểu dịch mà khi dịch chúng ta phải tìm kiếm các tương đương của ngôn ngữ đích cho tất cả các thành tố nội dung và hình thức của văn bản gốc, trong đó chủ yếu là tương đương ở cấp độ nội dung.

* Dịch hạn chế: cách dịch này đối lập với cách dịch bình thường, chỉ giới hạn trong phạm vi một hay hai thành tố ở bình diện biểu hiện và được biểu hiện của văn bản gốc. Chúng ta chú giải không những về loại từ mà còn phải chú giải chức năng ngữ pháp của các thành phần trong câu. Chúng ta phải chỉ rõ từ loại, từ nào là chủ ngữ, từ nào là vị ngữ, và ở dạng thì nào, từ nào là tân, bổ ngữ…

b. Dựa vào các phương tiện biểu hiện của văn bản gốc và văn bản đích. Theo tiêu chí này, chúng ta có thể phân biệt hai loại là phiên dịch và biên dịch, nói một cách khác là dịch nói và dịch viết. Trong thực tế, chúng ta thấy có các hình thức dịch khác nữa, từ văn bản

nguồn sang văn bản đích, đó là: Nói-Nói, Viết-Viết, Nói-Viết,Viết-Nói, Viết/Nói-Điệu bộ, Điệu bộ-Viết/Nói.

c. Phân loại dịch dựa theo loại hình văn bản. Cách phân loại này chủ yếu dựa vào các hình thức khác nhau của văn bản gốc. Theo tiêu chí này, chúng ta thấy có dịch văn học nghệ thuật (văn xuôi, thơ ca, kịch…), dịch văn bản khoa học kỹ thuật, dịch các văn bản chính luận hành chính sự vụ, dịch các công trình biên khảo (như văn bản Thiên chúa giáo). Mỗi loại hình văn bản chúng ta thấy có một lý thuyết dịch riêng, trong đó có các yếu tố được nhấn mạnh, có các yếu tố được phép xem nhẹ…Ví dụ: Đối với các văn bản khoa học kỹ thuật, các chi tiết giải thích phải được chú trọng, trong khi đó đối với các văn bản hành chính thì hình thức lại rất được coi trọng. Trong văn bản kinh tế thương mại, chúng ta phải chú trọng dịch không những các chi tiết, nội dung mà hình thức của nó cũng không được sao nhãng, xem nhẹ.

Chúng ta còn có thể chứng kiến nhiều dạng dịch khác nữa mà hoạt động của chúng có khác nhau đôi chút: Đó là dịch nhắc (*par chuchotage*), lồng phụ đề (*sous-titrage*) và lồng tiếng trong phim, phiên dịch có dịch đuổi (*simultanée*) và dịch tiếp sau (*consécutive*). Nhìn tổng thể, chúng ta có thể nói các nét khác biệt của ngôn ngữ đã tạo nên những khó khăn trong hoạt động chuyển dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác. Nói một cách cụ thể hơn, những đặc trưng riêng biệt của loại hình văn bản, những dạng thức đặc thù của hoạt động ngôn ngữ cũng chi phối nhiều cách dịch.

Dịch cũng luôn luôn thay đổi. Chính vì vậy, Ivan Nabokov, phụ trách phần văn học nước ngoài của Nhà xuất bản Plon đã nói vui là "*cứ khoảng vài chục năm chúng ta cần phải đem dịch lại, vì ngôn ngữ thay đổi chóng vánh*".

2.3. Quá trình phát triển của lý thuyết dịch

Dịch thuật là một ngành khoa học ở giữa các ngành khoa học, đặc biệt là ngôn ngữ học, lô gic học, tâm lý học, và phương pháp sư phạm. Tại các trường Tolède, từ thế kỷ thứ 12 trong các chương trình giảng dạy của Trường ngôn ngữ phương Đông, đại học Geneve, Turin, Vienne, Paris…người ta đã giảng dạy thực hành ngôn ngữ và dịch được xem là một hoạt động thực tiễn. Từ lâu, các tên tuổi như Cicéron, d'Horace, de Saint-Jérôme, de Dante, d'Erasme, d'Etienne Dolet, de Joachim du Belley, de Monstesquieu, Chateaubriand, de Paul Louis Courier, de Humboldt, de Gide…. đã kéo dài danh mục các nhà văn có chính kiến của mình về dịch thuật, song đại đa số các trường hợp, họ chỉ đưa ra các cảm nghĩ chung chung, mang tính cá nhân, chỉ dựa trên tính chất liệt kê các kinh nghiệm. Tất cả các vấn đề đó, các nhận định đó đều dựa trên kinh nghiệm (*empirisme*).

Ngược dòng thời gian, dấu vết đầu tiên của dịch thuật có thể tìm thấy từ những năm 3000 BC trong thời đại vương quốc Ai cập cổ, trong khu vực của Caracat Đệ nhất, Eléphantine, nơi người ta tìm thấy vết tích của bản thảo bằng hai ngôn ngữ. Vào những năm 300 BC, dịch trở thành một hoạt động có tầm quan trọng đặc biệt ở phương Tây, khi người Roman sử dụng nhiều yếu tố của nền văn hóa Hy lạp, trong đó có toàn bộ các cơ cấu tôn giáo. Vào thế kỷ thứ XII, phương Tây có quan hệ với Islam ở Moorish Spain. Tình hình này tạo nên điều kiện thuận lợi cho việc dịch trên phạm vi rộng hơn, đó là:

- Sự khác nhau về chất lượng trong nền văn hóa (Phương Tây thì phát triển muộn hơn nhưng đứng về mặt khoa học mà nói, lại cảm thụ và chấp nhận nhanh những ý tưởng mới).

- Sự tiếp xúc liên tục giữa hai ngôn ngữ. Khi chính quyền tối cao Moorish bị tan rã ở Spain, Trường Phiên biên dịch Toledo đã dịch những tác phẩm cổ điển khoa học và triết học

bằng tiếng Ả rập. Bản dịch kinh thánh của Luthen năm 1952 đã đặt nền móng cho tiếng Đức hiện đại và kinh thánh của King James (1661) đã có ảnh hưởng ban đầu đến ngôn ngữ và văn học Anh quốc. Những giai đoạn quan trọng về dịch đã đi trước Shakespeare và những người đồng thời với ông, những tác giả thuộc chủ nghĩa cổ điển Pháp và các trào lưu lãng mạn.

E. Cary, trong cuốn "*Les grands traducteurs francais*" đã giới thiệu nhiều dịch giả Pháp. Trước hết đó là Etienne Dolet, người mà trong tiểu luận của mình mang tên "*La manière de bien traduire d'une langue en autre*" đã nêu lên 5 qui tắc dịch tốt như sau:

* Dịch giả phải hiểu được hoàn chỉnh ý nghĩa và phong cách của văn bản phải dịch.

* Dich giả phải có hiểu biết sâu về ngôn ngữ của tác giả.

* Cần phải dịch bằng các từ thông dụng, gần gũi với tiếng latinh.

* Dịch giả không được chuyển dịch "*từ bám từ*".

* Cần phải có một sự quan sát và gắn nghệ thuật dịch với nghệ thuật hùng biện.

G. Mounin đã so sánh hai cách dịch sau:

* Cách dịch thứ nhất ưu tiên đến văn bản đích (đến ngôn ngữ, đến thời đại và đến nền văn minh).

* Cách dịch thứ hai ưu tiên đến văn bản gốc (đến ngôn ngữ, đến thời đại và đến nền văn mình). Tuy nhiên, cho dù đã nhấn mạnh đến lịch sử vấn đề, cố gắng xác định, nhấn mạnh một vài sai lầm trong các thao tác chuyển dịch, G. Mounin cũng vẫn không nói rõ được vấn đề trung thành hay không trung thành trong dịch nằm ở đâu.

Có thể nói bắt đầu từ những năm 50 với sự tham gia của các nhà ngôn ngữ học, dịch thuật đã phát triển mạnh mẽ, dẫn đến việc xây dựng một lý thuyết tổng quan và toàn diện về dịch. Các nghiên cứu có liên quan đến lý thuyết dịch đã phát triển rầm rộ trong những năm 60. Các nghiên cứu này bao gồm các nghiên cứu về ngôn ngữ học cũng như các chuyên ngành khác như tâm lý học, xã hội học và nhân chủng học…

3. Cơ sở ngôn ngữ học của dịch thuật

3.1. Các nhân tố ngôn ngữ

Theo Nguyễn Hồng Cổn, đơn vị dịch là một đơn vị có nghĩa của ngôn ngữ. Đơn vị có nghĩa thấp nhất là hình vị, cao nhất là văn bản. Câu là một đơn vị dịch tự nhiên nhất.

Trong thao tác dịch chúng ta cần phải nhận ra được sự phi đối xứng (*asymetrie*) giữa hình thức và ý nghĩa của các đơn vị dịch. Có hai loại phi đối xứng: phi đối xứng trong phạm vi một ngôn ngữ và phi đối xứng giữa các ngôn ngữ với nhau. Cũng như đối với các ngôn ngữ khác, trong tiếng Pháp và trong tiếng Việt, chúng ta thấy có những quan hệ phi đối xứng giữa hình thức và ý nghĩa. Nguyễn Hồng Cổn đã nêu bật các phi đối xứng, cụ thể như sau:

a. Phi đối xứng ở cấp độ từ

* Các từ đồng âm: là các từ có một vỏ ngữ âm như nhau song lại có nhiều khái niệm biểu vật khác nhau. Ví dụ: "*mais*" là "*nhưng*", "*song*" và "*mai*" là "*tháng năm*"…

* Các từ đa nghĩa: Ví dụ: "*prix*" có thể chuyển dịch có lúc là "*giá cả*', có khi lại là "*giải thưởng*'…

* Các từ đồng nghĩa: Ví dụ: "*bon marché*", "*meilleur marché*", "*prix peu élevé*", "*prix bas*", "*prix modique*"…đều có thể được dịch là "*giá rẻ*".

* Hiện tượng chuyển loại: Trong dịch thuật có thể một từ nào đó ở ngôn ngữ nguồn là từ loại này, song không nhất thiết trong ngôn ngữ đích từ chuyển dịch cũng cùng thuộc một từ

loại đó. Ví dụ: "*Trong khi các ông giao hàng* (cấu trúc tiếng Việt là C+V)*, chúng tôi sẽ tiến hành các thủ tục thanh toán tiền hàng*". Câu này có thể chuyển dịch ra tiếng Pháp là "*Lors de votre livraison des marchandises* (cấu trúc danh từ), *nous procédons à des formalités de paiement*"

b. Phi đối xứng ở cấp độ ngữ

Trong khi thực hiện thao tác dịch, chúng ta phải xác định cho sinh viên nắm được các quan hệ lô gic ngữ nghĩa mà các ngữ đoạn biểu thị:

* Phi đối xứng giữa hình thức rút gọn và ý nghĩa hoàn chỉnh. Trước khi thực hiện thao tác chuyển dịch, chúng ta phải giúp sinh viên khôi phục lại dạng hoàn chỉnh của nó để chuyển dịch. Ví dụ: "ăn đũa" nếu chuyển dịch thành "*manger les baguettes*" thì rất ngây ngô, mà phải hướng dẫn sinh viên chuyển dịch thành "*manger avec les baguettes*"; hoặc "*vous serez expédiés*" chuyển dịch thành "*các ông sẽ bị gửi đi*" thì rất thô thiển, bởi đây là một cách dùng đặc biệt của ngôn ngữ thương mại, có nghĩa là "*hàng hóa sẽ được gửi đi cho các ông*"; câu tiếng Pháp hoàn chỉnh sẽ phải là "l*es marchandises vous seront expédiées"*.

* Phi đối xứng cấu trúc đa nghĩa (hoặc đa chức năng). Trong các văn bản tiếng Pháp cũng như trong các văn bản tiếng Việt, chúng ta thường thấy cấu trúc sau:

Nom (danh từ) + de (của) Nom (danh từ)

Ý nghĩa sở hữu là một thể hiện nổi trội của cấu trúc này. Ví dụ: "*Les biens de cette société*" *(hàng hóa của công ty này*). Tuy nhiên, đôi khi cấu trúc này thể hiện quan hệ giữa chính thể và bộ phận, hoặc quan hệ về số lượng, về loại. Ví dụ: "l*a tête du corps", "la production de riz", "l'exportation de produits d'artisanat et de beaux-arts, "des produits de bonne qualit*ê". Chúng ta cần xác định đúng nghĩa thực sự của cấu trúc.

* Phi đối xứng cấp độ câu: Như chúng ta đều biết, câu là một đơn vị dịch tự nhiên nhất. Dịch là phải chuyển tải nghĩa thông báo. Vấn đề phi đối xứng giữa hình thức và ý nghĩa ở cấp độ câu được thể hiện ở các phương diện sau:

- Phi đối xứng giữa câu tỉnh lược và nội dung thông báo hoàn chỉnh của câu hoàn chỉnh. Ví dụ: "*Bonjour*", "*Salut*", "*Ciao*" là các phương tiện ngôn ngữ để thể hiện lời chào của tiếng Pháp. Những dạng câu tỉnh lược này đòi hỏi khi dịch phải truy hiểu dạng hoàn chỉnh của câu, có tác thể "*tôi*" và có đối thể tiếp nhận "*anh*", để chuyển dịch là "*Tôi chào anh*" hoặc "*Cháu chào bác*"…Chúng ta có thể tìm thấy nhiều ví dụ khác thể hiện sự phi đối xứng giữa câu tỉnh lược và nội dung thông báo của câu hoàn chỉnh. Ví dụ: "*Mưa !*", để chuyển dịch câu tỉnh lược này từ câu hoàn chỉnh "*Trời mưa !*", dịch giả phải nhận được có sự xuất hiện của chủ từ vô nhân xưng "*Il*" trong tiếng Pháp để chuyển dịch là "*Il pleut !*"

- Phi đối xứng giữa cấu trúc ngữ pháp và ý nghĩa biểu hiện (hay giữa cấu trúc nổi và cấu trúc chìm). Vấn đề này được thể hiện rất rõ nét trong các dạng câu chủ động và câu bị động. Ví dụ: "*Một tín dụng thư đã được mở tại Ngân hàng Vietcombank Hà nội*". Câu tiếng Việt này có thể được chuyển dịch bằng các cách sau trong tiếng Pháp: "*Une lettre de crédit a été ouverte à Vietcombank Hanoi*", hay "*L'on a ouvert une lettre de crédit à Vietcombank Hanoi*", hoặc là "*L'ouverture d'une lettre de crédit a été effectuée à Vietcombank Hanoi*". Như vậy, cùng một cấu trúc chìm, ý có thể biểu đạt bằng nhiều cấu trúc nổi khác nhau.

- Phi đối xứng giữa dạng thức ngữ pháp và hành động ngôn trung. Theo ngữ pháp truyền thống, chúng ta thấy có 4 dạng câu sau: câu tường thuật, câu nghi vấn, câu mệnh lệnh, câu cảm thán. Theo hành động ngôn trung,

chúng ta có các dạng câu như: câu trình bày, câu hỏi, câu cầu khiến, câu mệnh lệnh, câu đề nghị, câu ra lệnh, câu mời chào, câu hứa hẹn, câu tuyên bố…. Trong tiếng Pháp người ta hay dùng câu hỏi để thể hiện lời mời, lời đề nghị. Ví dụ: "*Voudriez-vous nous accorder une remise de 20%?*" hay "*Voulez-vous visiter notre exposition de machines outils?*"; hoặc có thể dùng công thức "*Si + động từ chia ở thì imparfait*" để thể hiện lời mời, hay lời đề nghị nhẹ nhàng, hay để thể hiện một sự mong ước. Ví dụ: "*Si on allait au cinéma…*" hay "*Si vous n'en retardiez pas la livraison…*".

Trong khi hướng dẫn sinh viên chuyển dịch, giáo viên phải chỉ rõ được là có nhiều dạng thức biểu hiện với nhiều loại hành động ngôn trung khác nhau. Câu hình thức hỏi lại không có mục đích hỏi. Ví dụ: "*Ai lại làm thế bao giờ?"*(ngăn cản) hay "*Tôi có nói thế bao giờ đâu ?* " (bác bỏ) và "*Que voulez-vous que je fasse ?*" (cầu khiến)…

3.2. Các nhân tố ngoài ngôn ngữ

Các nhân tố ngoài ngôn ngữ, bên cạnh các nhân tố ngôn ngữ, là nhân tố cũng rất cần được chú ý trong hoạt động thao tác chuyển dịch.

Trong các văn bản kinh tế thương mại tiếng Pháp hay tiếng Việt có rất nhiều yếu tố này. Các thuật ngữ kinh tế thương mại là đặc thù riêng trong dạng ngôn ngữ chuyên ngành này. Trước khi dịch, giáo viên cần cho sinh viên hiểu thông thạo các thuật ngữ đó. Thế nào là "*nợ xấu*", thế nào là "*tín dụng thư*", "*trái phiếu*"…Các thuật ngữ này là tương đối nhiều trong tiếng Pháp và trong tiếng Việt. Có các thuật ngữ vốn có của Việt Nam do người Việt tạo nên trên cơ sở những từ thuần Việt, như *"mua*", *"bán*", "*giao hàng tại tàu"*…song có các thuật ngữ lại tiếp nhận từ tiếng Hán, tiếp nhận từ ngôn ngữ châu Âu, trong đó có tiếng Pháp.

Trong các văn bản kinh tế thương mại, người Pháp hay dùng tên con phố để chỉ một cơ quan. Ví dụ "*A Bercy, on vient de déclarer que….*" v.v…, hay cách diễn đạt nhân hóa "*la valse des monnaies…"* khi nói đến biến động của đồng tiền.

Yếu tố văn hóa, văn minh cũng phải được lưu ý trong hoạt động chuyển dịch ngôn ngữ Pháp ra Việt, cũng như trong hoạt động dịch từ tiếng Việt ra tiếng Pháp.

4. Vấn đề giao thoa ngôn ngữ và giao thoa văn hóa trong dịch thuật

4.1. Giao thoa ngôn ngữ

Giao thoa ngôn ngữ là hiện tượng xảy ra một cách không ý thức và thường xuyên trong tiếp xúc của hai ngôn ngữ. Bally đã gọi vấn đề giao thoa này là một bản năng loại suy (*instinct analogique)*. Trong quá trình hội nhập, tiếng Việt đã chịu ảnh hưởng của nhiều ngôn ngữ nước ngoài. Do hoàn cảnh lịch sử, tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Nga là các ngôn ngữ có ảnh hưởng nhiều đến sự phát triển của tiếng Việt. Ảnh hưởng này rất dễ nhận thấy ở sự vay mượn (*emprunts)* từ ngữ.

Trong quá trình hội nhập và phát triển của chúng ta, giao thoa ngôn ngữ là một hiện tượng đương nhiên xảy ra. Ngoài từ vay mượn, chúng ta còn thấy có sự sao phỏng (*calques)* từ ngữ, chuyển dịch một một *(traduction littérale)*, sự cải biên (*adaptation)* và tương đương (é*quivalents*).

4.2. Giao thoa văn hóa

Trong giao dịch kinh doanh quốc tế, yếu tố văn hóa cũng là một trong những yếu tố quan trọng. Mỗi một dân tộc có một phong tục tập quán riêng biệt. Cách suy nghĩ và cách nhìn, cách đánh giá ở từng hiện tượng trong kinh doanh, nhìn chung là giống nhau, song vẫn có những điểm rất riêng.

Tiếng Việt có nhiều từ ngữ có gốc là từ tiếng Pháp, cũng như chúng ta có thể thấy trong tiếng Pháp cũng có từ gốc Việt. Sự tiếp

thu có chọn lọc các yếu tố cần cho sự tiếp xúc đã làm cho mỗi dân tộc mạnh dạn bổ xung vào ngôn ngữ của mình các yếu tố ngoại lai để làm phong phú thêm văn hóa và ngôn ngữ của dân tộc.

Có thể nói yếu tố văn hóa là một trong những yếu tố ngoài ngôn ngữ rất quan trọng trong dịch thuật. Các đặc điểm văn hóa bao trùm lên tất cả các lĩnh vực đời sống của con người, trong đó có kinh tế thương mại. Văn hóa thương mại của mỗi nước là khác nhau được hình thành từ những kinh nghiệm thực hành kinh doanh của mỗi nước. Văn hóa kinh doanh còn thể hiện rất rõ nét qua cách thức của các văn bản giao dịch thương mại: chào hàng, đặt hàng, trả lời thư chào hàng, khiếu nại, trả lời thư khiếu nại, cách thức đàm phán, cách thức đặt vấn đề của các dạng văn bản nêu trên.

Dịch thuật là một hoạt động liên ngôn ngữ, liên văn hóa.

5. Tương đương trong dịch thuật

Nida, Taber, Nguyễn Văn Hiệp, Nguyễn Hồng Cổn, Đinh Văn Đức đều cho rằng tương đương trong dịch thuật là vấn đề trung tâm của lý thuyết dịch và là một vấn đề làm nảy sinh nhiều quan điểm khác nhau, thậm chí hoàn toàn trái ngược nhau. Nguyên nhân của sự trái ngược này là do các tác giả xuất phát từ các cách nhìn nhận khác nhau về bản chất của ngôn ngữ, bản chất của dịch thuật và áp dụng các lý thuyết ngôn ngữ học khác nhau vào nghiên cứu dịch thuật. Nida và Taber đề xuất khái niệm "*tương đương động"*, nhấn mạnh đến tầm quan trọng tương đương về chức năng, biểu hiện tác động của văn bản dịch và văn bản gốc phải như nhau. Theo Nida và Taber, tùy theo đối tượng tiếp nhận bản dịch mà chúng ta có các văn bản dịch khác nhau. Mô hình này tiếp tục được phát triển bởi Bakhudavov và Koler. Các tác giả này đã phát triển hoàn thiện cái gọi là mô hình "*tương đương động*". Theo đó, có nhiều tương đương khác nhau như sau:

5.1. Tương đương về thông tin miêu tả

Trong ngôn ngữ học, thông tin miêu tả còn được gọi là thông tin sự kiện, nghĩa trình bày (Halliday). Thông tin miêu tả thực tế nhằm trình bày các sự tình trong thế giới hiện thực hoặc một thế giới khả năng nào đó. Thông tin này đều được logic học và ngôn ngữ học quan tâm, bởi vì thông tin này quyết định giá trị chân thực, đúng sai của mệnh đề. Ví dụ: "*Ngày 15 tháng 4, chúng tôi đã xếp hàng lên tàu"* mà lại được chuyển dịch là "*Le 10 avril, nous avons recu ces marchandises*", hoặc "*chúng ta nhập thiết bị chính xác*" mà lại chuyển dịch thành "*nous importons des articles d'artisanat*" là hoàn toàn sai lệch về thông tin miêu tả.

Trong dịch thuật chúng ta nên hiểu rằng những từ ngữ biểu thị thông tin này thường được gọi là thực từ, còn những từ biểu hiện thông tin khác như thông tin tình thái, thông tin nhấn mạnh…thì được gọi là hư từ. Còn ở bình diện phân tích cấu trúc ngữ pháp của câu, thì các nhãn hiệu (*label)* trong thành phần câu truyền thống như chủ ngữ, vị ngữ, bổ ngữ, trạng ngữ, định ngữ…chính là các thành phần mà ngôn ngữ học sử dụng để thể hiện thông tin miêu tả này.

5.2. Tương đương về thông tin tình thái

Khái niệm tình thái là một trong những khái niệm phức tạp nhất của ngôn ngữ học hiện đại. V.Z.Panfilov đã từng nhận xét "*không có phạm trù nào mà bản chất ngôn ngữ học và thành phần các ý nghĩa bộ phận lại gây ra nhiều ý kiến khác biệt và đối lập nhau như phạm trù tình thái*". Ch. Bally là người đầu tiên phân biệt trong cấu trúc nghĩa của phát ngôn có hai thành phần cơ bản tương ứng là *modus* (bộ phận tình thái) và *dictum* (ngôn liệu). Theo ông, trong nội dung ngữ nghĩa của câu, cần thiết phải phân biệt hai yếu tố khác

nhau là *dictum* và *modus*. *Dictum* là nội dung biểu hiện làm thành cốt lõi ngữ nghĩa của câu miêu tả một sự tình nào đó của thế giới, còn *modus* là những thái độ, là cách đánh giá khác nhau của người nói đối với nội dung được biểu hiện cũng hư mối quan hệ giữa nội dung ấy với hiện thực trong cách nhìn nhận của chủ thể phát ngôn rằng đó là cái mong muốn hay không mong muốn, đó là cái hiện thực hay phi hiện thực, gắn với mục đích phát ngôn nào… và ông cho rằng đấy mới là "*linh hồn của câu*". Fillmore trong "*Ngữ pháp cách*", xuất phát từ việc nghiên cứu cấu trúc câu cũng chia câu ra hai phần *Mệnh đề P* và *tình thái M*. Quan niệm của ông về cấu trúc ngữ nghĩa của câu S gồm khung tình thái cộng với lõi mệnh đề phản ánh một nội dung sự tình nào đó. Công thức đó là: $S = M + P$. N.Chomsky, đại diện tiêu biểu của ngữ pháp tạo sinh, khi chia câu đã dùng cặp thuật ngữ *Tình thái* và *Hạt nhân*. Ông cho rằng đây là hai yếu tố cần yếu, quan trọng tạo ra câu cơ sở - là đơn vị thuộc cấu trúc bề sâu, tồn tại trong tư duy con người một cách trìu tượng. Cấu trúc bề sâu chuyển thành cấu trúc bề mặt (những phát ngôn cụ thể), câu cơ sở phải trải qua những phép cải biến nhất định. Quan điểm này của ông là một cơ sở khoa học rất cần thiết cho lý thuyết dịch.

Một số nhà ngôn ngữ học Việt Nam như Đỗ Hữu Châu, Hoàng Tuệ, Cao Xuân Hạo, Nguyễn Văn Hiệp đã nhóm khái niệm tình thái theo các nhóm: các ý nghĩa thể hiện mục đích phát ngôn, các ý nghĩa khác nhau thể hiện sự đánh giá, thái độ lập trường, ý nghĩa thuộc đối lập khẳng định và phủ định đối với sự tồn tại của sự tình, những đặc trưng liên quan đến sự tình (thời, thế hay các ý nghĩa được thể hiện bằng vị từ tình thái…)

Trong dịch thuật, chúng ta cần lưu ý để bản dịch có tương đương về thông tin tình thái so với bản gốc.

5.3. Tương đương về thông tin chủ đề

Trong những năm gần đây, rất nhiều nhà ngôn ngữ học trên thế giới đã bàn về thông tin chủ đề. Các nhà ngôn ngữ học đã có những thái độ, đánh giá khác nhau đối với vai trò của thông tin này: có tác giả xếp thông tin này là thông tin thuộc về lời nói và nó gắn liền với ngữ cảnh sử dụng. Cấu trúc *Đề - Thuyết*, hay cấu trúc thông điệp của câu. Chúng ta quan sát ví dụ sau:

- Ông ấy không hút thuốc (câu 1)

- Thuốc, ông ấy không hút (câu 2)

Câu 1 và câu 2 được coi là đồng nhất về thông tin miêu tả và thông tin tình thái, nhưng hoàn toàn khác nhau về thông tin chủ đề: Câu 1 nói về "ông ấy" (đề), còn câu 2 nói về "*thuốc*" (đề). Cấu trúc Đề-Thuyết của câu có liên quan chặt chẽ đến tổ chức của diễn ngôn. Trật tự từ trong câu trong những trường hợp và khả năng cho phép có thể thay đổi và sự thay đổi đó phụ thuộc vào ý đồ truyền đạt thông tin về chủ đề của người phát ngôn.

5.4. Tương đương về phong cách hay giá trị thẩm mỹ của văn bản

Trong dịch thuật chúng ta nên chú ý một vấn đề liên quan đến tương đương về phong cách hay giá trị thẩm mỹ của văn bản. Chúng ta thường thấy có trường hợp hai cấu trúc giống nhau về nghĩa biểu hiện, song phong cách là khác nhau: trang trọng, lịch sự hay không trang trọng, bình thường. Việc quyết định chọn các tương đương phụ thuộc vào tri thức và trực giác của người dịch. Chất lượng của bản dịch phụ thuộc vào mức độ hiểu biết thấu đáo của thông điệp, vào khả năng nắm vững ngôn ngữ gốc và ngôn ngữ đích, phụ thuộc vào khả năng hiểu biết về đối tượng, về mục đích, về tình huống giao tiếp, sự thông thạo về kiến thức văn hóa xã hội.

Dịch thuật là một hoạt động chuyển mã

ngôn ngữ, là một hoạt động giao tiếp liên ngôn ngữ và liên văn hóa. Các yếu tố ngôn ngữ và ngoài ngôn ngữ ảnh hưởng nhất định đến quá trình và chất lượng bản dịch. Ngôn ngữ học chức năng và ngôn ngữ học cấu trúc đã đóng góp rất nhiều thành tựu vào hoạt động dịch mà chúng ta không thể phủ nhận được.

Tương đương trong dịch thuật là một hiện tượng có thực. Trong thao tác chuyển dịch các văn bản kinh tế thương mại từ tiếng Pháp sang tiếng Việt cũng như các văn bản kinh tế thương mại từ tiếng Việt ra tiếng Pháp, xem xét dưới góc độ ngôn ngữ học, các tương đương nói trên cần phải được chuyển dịch càng nhiều càng tốt để có thể đưa ra một dịch phẩm tín, đạt, nhã có chất lượng.

6. Các khó khăn trong việc giảng dạy dịch

6.1. Về sinh viên

Như chúng tôi đã trình bày ở trên, trình độ sinh viên không đồng đều về ngôn ngữ, mà giảng dạy Dịch có chất lượng chỉ khi sinh viên đã hoàn toàn thông thạo được Phần ngôn ngữ cơ sở. Nhiều năm giảng dạy môn dịch ở Khoa cho chúng tôi thấy một thực tế "*không tin được dù đó là sự thật*". Thực tế này là sinh viên của chúng ta không hiểu tiếng Việt. Sinh viên hiểu ngôn từ rất khác nhau và sai. Sinh viên hiểu diễn ngôn tiếng Việt sai nên dẫn đến việc chuyển dịch sang tiếng Pháp cũng sai. "*Traduire c'est trahir*" (Dịch là Phản) có lẽ đúng trong trường hợp này.

Kiến thức nền (*données de base*) ngôn ngữ và kiến thức ngoài ngôn ngữ (*background*) còn thiếu nhiều khiến cho sinh viên không thể chuyển dịch tốt và đúng văn bản nguồn sang văn bản đích. Sinh viên nhầm lẫn không phân biệt được giữa dịch chuyển mã (traduction reflexe hay traduction littérale) với dịch phân tích (*traduction réfléchie*).

Sinh viên phải có những kiến thức hiểu biết, có kiến thức về các môn nghiệp vụ ngành. Vì tất cả các kiến thức này đều thể hiện trong các văn bản kinh tế thương mại, trong giao dịch ngoại thương. Sinh viên phải nắm được kiến thức nền, từ đó nắm được nghĩa của từ, của cụm từ. Nicolas Boileau đã có câu nói nổi tiếng "*ce qui se concoit bien, s'énonce clairement et les mots pour le dire arrivent aisement" (cái gì suy nghĩ mạch lạc, diễn đạt ắt rõ ràng, và ngôn từ tự nhiên rất trôi chảy*). Sinh viên chúng ta nhiều khi viết chưa đâu vào đâu, chưa thành văn (có thể tham khảo qua các loại Giấy xin phép của các sinh viên gửi cho giáo viên. Cách diễn ngôn trong các Giấy xin phép của sinh viên có thể cho là thảm họa: sinh viên dùng từ lẫn lộn, trình bày câu, ngắt dòng….chúng ta đều có thể đánh lỗi). Diễn ngôn như vậy thì dịch phẩm cũng sẽ bị ảnh hưởng nhiều: nói và viết sẽ rất trục trặc, việt không ra việt và tây cũng chẳng ra tây…

6.2. Về giáo trình và phương tiện giảng dạy

Tiếp theo các bài luyện dịch có nội dung văn hóa, chính trị, kinh tế, thương mại của Việt Nam và thế giới có nội dung chung chung, không đi sâu…chúng tôi đã tích hợp được một loạt tài liệu giảng dạy cho môn Dịch kinh tế thương mại. Một tập hợp tài liệu này bao gồm các văn bản về chuyên ngành kinh tế ngoại thương: xuất nhập khẩu, nghiên cứu thị trường hàng hóa, tiền tệ-thanh toán, vận tải-bảo hiểm hàng hóa, tình hình thị trường hàng hóa và các nội dung giao dịch mua bán.

Phương tiện giảng dạy ở đây là gì ? Chúng tôi muốn có một phòng chuyên để dạy dịch nói và dạy dịch viết. Dịch nói và dịch viết bao giờ cũng bổ trợ cho nhau: sinh viên nói trôi chảy và viết cũng sẽ thuận lợi hơn. Kết quả là chúng ta sẽ có một dịch phẩm chất lượng tốt, theo yêu cầu.

6.3. Về giáo viên

Giảng dạy đại học là dạy nghề ở trình độ cao. Ngoài những yêu cầu về phẩm chất nói

chung như lòng yêu nghề, sự tôn trọng sinh viên…giáo viên phải vững vàng về ngôn ngữ cơ sở và ngôn ngữ chuyên ngành. Không có những điều kiện này chúng ta không thể nói đến kết quả cao trong học tập của sinh viên được. Giáo viên phải có các kiến thức về ngôn ngữ, nghiệp vụ và phương pháp. Giáo học pháp môn học là môn giúp chúng ta tiếp cận một cách hiệu quả nhất để truyền đạt kiến thức cho sinh viên.

Khác với những năm trước, trường chúng ta có mở hệ Phiên dịch kinh tế thương mại, mà chủ yếu trong khóa này là giảng dạy song song phiên dịch (dịch tiếp sau và dịch đuổi) và biên dịch, trong nhiều năm qua, chúng ta chỉ dạy biên dịch Pháp -Việt và Việt-Pháp.

Dịch xuôi Pháp-Việt kinh tế thương mại là rèn cho sinh viên kĩ năng đọc hiểu, giúp cho sinh viên nắm được ngữ nghĩa của từ ngữ và cấu trúc diễn ngôn. Trên cơ sở đó giáo viên giúp cho sinh viên hiểu được ý của từng câu, nội dung của bài. Sau đó dùng tiếng mẹ đẻ để biểu đạt ý, nội dung ấy. Chúng ta có thể minh họa Dịch xuôi có ba giai đoạn là Phân tích-Hiểu-Diễn đạt.

Dạy Dịch ngược Việt-Pháp kinh tế thương mại góp phần quan trọng vào việc rèn kĩ năng diễn đạt Viết cho sinh viên. Cái khó của sinh viên chúng ta là nhiều lúc không hiểu được diễn ngôn tiếng Việt. Một câu tiếng Việt sinh viên hiểu theo nhiều cách khác nhau. Vì vậy, sinh viên sẽ đưa ra nhiều cách dịch khác nhau…Tam sao thất bản nên bản dịch trở thành rất xa so với bản gốc. Trong dịch ngược chúng ta phải giúp sinh viên biểu đạt được nội dung và đảm bảo được tính ngôn ngữ. Theo chúng tôi, cũng như thao tác dịch xuôi Pháp-Việt, dạy dịch ngược cũng có ba giai đoạn Phân tích-Hiểu-Diễn đạt.

Trong dịch xuôi cũng như dịch ngược, ba nhân tố Tín-Đạt-Nhã là ba nhân tố mà giáo viên luôn luôn phải ý thức cho sinh viên khi học dịch. Tín là phải dịch trung thành với bản gốc, Đạt là đúng ý với ngôn ngữ nguồn, còn Nhã là phải thuần Việt hay thuần Pháp. Vấn đề phải tránh là khi đọc bản dịch xuôi Pháp-Việt người Việt lại nói là người Việt không diễn đạt thế này và ngược lại khi đọc bản dịch ngược Việt-Pháp người Pháp lại lắc đầu nói là người Pháp không nói như thế cho tình huống như vậy. Chúng ta quan sát ví dụ sau:

+"*Pas de nouvelles, bonnes nouvelles*", chúng tôi giới thiệu câu dịch là "*Không tin tức chắc được bình an*".

+"Đêm khuya thân gái dặm trường", chúng tôi cũng giới thiệu câu dịch là "*Seule dans la nuit sur la route sans fin*"….

Hai câu dịch trên sẽ minh họa cho ba khía cạnh Tín- Đạt-Nhã trong chuyển dịch Pháp-Việt và Việt-Pháp. Và "*A bon vin, point d'enseigne*" được chuyển dịch thành *"Hữu xạ tự nhiên hương*", hay "*Le lion amoureux*", tên của một bài thơ ngụ ngôn Jean de la Fontaine, với nội dung thâm túy, được Tú Mỡ dịch là "*Sư tử mê gái*"; rồi Tuấn Đô dịch "*Comédie humaine*" là "*Tấn trò đời*"…thì quả đây là các ví dụ mẫu mực về dịch thuật tín, đạt, nhã.

7. Đề xuất cải thiện giảng dạy môn dịch ở Khoa

● Giáo viên giảng dạy môn Dịch còn thiếu nhiều ở Khoa. Khoa nên có kế hoạch đề xuất với Nhà trường cho giáo viên theo học các khóa đào tạo về phiên, biên dịch trong nước hoặc ở ngoài nước để có thể đáp ứng nhu cầu đào tạo môn học này ngày càng cấp bách.

Giáo viên giảng dạy môn dịch, cho dù là dịch xuôi hay dịch ngược cần phải nắm chắc tiếng Pháp và tiếng Việt. Giáo viên phải có thói quen cập nhật hàng ngày các thuật ngữ mới tiếng Việt cũng như tiếng Pháp để tránh bị động trên lớp khi hướng dẫn dạy dịch cho sinh viên. Giáo viên có thói quên hàng ngày tạo các

ngăn kéo ngôn ngữ "*tiroir linguistique*" có sẵn để sử dụng giảng dạy.

Khoa có kế hoạch xin phép Nhà trường để được cấp kinh phí trang bị cho một phòng học đào tạo phiên dịch. Tuy rằng chúng ta không có nhiệm vụ phải đào tạo phiên, biên dịch như các năm trước đây…song trang thiết bị phục vụ cho việc đào tạo phiên dịch này giúp cho sinh viên khả năng diễn đạt nói tốt hơn bên cạnh khả năng diễn đạt viết.

Trình tự lên lớp một bài dịch như thế nào? Sau đây là chấm phá một ví dụ tham khảo:

Giáo viên sau khi cho sinh viên đọc toàn bài, xác định thể loại bài, văn phong tác giả dùng là loại văn phong nào: trần thuật hay tự cảnh, bình luận hay nghị luận…để xác định cho việc dùng văn phong ở ngôn ngữ đến (*langue d'arrivée*)

Sinh viên phải thảo luận để hiểu câu ở ngôn ngữ nguồn (*langue de départ*) cần phải chuyển dịch để tránh hiểu sai khác nhau ý của tác giả. Sinh viên dịch viết ngay trên bảng và các sinh viên khác cũng thực hiện thao tác dịch trên giấy. Cả lớp tham gia góp ý về các mặt; sử dụng từ, cấu trúc câu, diễn ngôn của bài dịch của sinh viên trên bảng….Sinh viên với bài dịch của mình có thể đóng góp cho phần thảo luận cái nên và không nên trong bài dịch của sinh viên khác. Giáo viên rút về vai trò hướng dẫn và trọng tài cho các đề xuất. Thao tác này chúng tôi đã và đang áp dụng cho các sinh viên ở các Khóa 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51 ở cả hai chuyên ngành Kinh tế đối ngoại và Tiếng Pháp thương mại. Qua khảo sát và thăm dò, sinh viên đánh giá cao thao tác sư phạm giảng dạy dịch này và ý kiến phản hồi là rất tích cực, sinh viên tham gia nhiệt tình vào bài giảng, học được nhiều và nắm được thao tác chuyển dịch và nghệ thuật dịch…

● Các nguồn tài liệu phục vụ giảng dạy Dịch xuôi: các văn bản kinh tế thương mại cập nhật trên các báo gốc của Pháp. Ví dụ: *lexpansion.fr, lenouveleconomiste.fr, lemonade.fr, lefigaro.fr*… Sinh viên tiếp xúc với văn bản gốc sẽ giúp cho sinh viên nhanh chóng nâng cao trình độ sử dụng ngôn ngữ của mình.

● Các nguồn tài liệu phục vụ giảng dạy Dịch ngược: các văn bản kinh tế lấy ở các báo chí, tạp chí kinh tế thương mại Việt nam… *"Tạp chí Kinh tế đối ngoại*" của Trường ĐH Ngoại thương cũng là một nguồn tài liệu hay, hấp dẫn trong dạy Dịch ngược.

8. Kết luận

Dịch thuật là một môn học rất cần cho sinh viên của Trường ĐH Ngoại thương chúng ta. Các cử nhân tương lai sản phẩm của chúng ta không thể giỏi nghiệp vụ mà không thể không thông thạo ngoại ngữ. Dịch thuật giúp cho sinh viên sau này khi ra trường có thể chủ động trong công việc hàng ngày. Với kiến thức trang bị trong những ngày trong trường, sinh viên sẽ tự chủ độc lập tích cực trong việc tự học suốt đời của mình. Giáo viên chúng ta chỉ đưa ra các thao tác và các kỹ năng nên áp dụng khi làm công tác dịch thuật. Chúng tôi thiết nghĩ, đấy là cách trao dồi trang bị cho sinh viên nhiều nhất.

Chúng tôi cũng rất mong có dịp khác để trao đổi thêm những ý kiến về nội dung phương pháp, các bước lên lớp cụ thể một bài Dịch xuôi, một bài Dịch ngược kinh tế thương mại, rồi cơ cấu bố cục giáo trình như thế nào đối với từng loại hình đào tạo Kinh tế đối ngoại, Tiếng Pháp thương mại… có sự tham gia của giáo viên Khoa Tiếng Pháp.

Tản mạn trên đây là những điều tác giả muốn chia sẻ riêng về biên dịch (*traduction)*.

Dịch lại có hai hình thức: biên dịch và phiên dịch (*interprétation*). Phiên dịch cũng có hai dạng: dịch đuổi (*simultanée*) và dịch tiếp sau (*consécutive*). Các khâu, nghe hiểu, ghi chép *(prise de notes*), diễn đạt lại trong Phiên dịch lại cả là một vấn đề khoa học khác.

Tác giả cũng rất mong muốn có dịp để trao đổi, trình bày với các đồng nghiệp sâu hơn về Phiên dịch, đặc biệt về các thao tác dạy phiên dịch trên lớp cho sinh viên, với tâm nguyện sâu sắc được góp phần nhỏ bé giáo học pháp của mình vào việc nâng cao chất lượng đào tạo Phiên biên dịch ở các Khoa Ngoại ngữ trong Trường.❑

Tài liệu tham khảo

1. Nghị quyết 29-NQTW, Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công *nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*
2. Georges Mounin, Les problèmes théoriq ues de la traduction, Tel Gallimard.
3. Ferdinand de Saussure, 1973, *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*, Nxb KHXH Hà nội.
4. Fillmore Ch.J., 1983, *Cái mới trong ngôn ngữ học ở nước ngoài*, Nxb Tiến bộ.
5. John Lyons, *Ngữ nghĩa học dẫn luận*, Nxb Giáo dục (bản dịch của GS.TS. Nguyễn Văn Hiệp).
6. O.Girault et D.Nony, 1989, *Situations et Techniques commerciales*, Foucher Hatier Paris.
7. Đinh Trọng Lạc, 1974, *Phong cách văn bản*, Nxb Giáo dục.
8. Nguyễn Hồng Cổn, *Một số vấn đề ngôn ngữ học của dịch thuật*
9. Đinh Văn Đức, *Về một cách hiểu ý nghĩa từ loại trong tiếng Việt,* Ngôn ngữ, Hà nội.
10. Nguyễn Văn Hiệp, *Khái niệm tình thái trong ngôn ngữ học.*
11. Hà Văn Riễn, 2014, *Tiến tới một tập hợp giáo trình giảng dạy tiếng Pháp mang sắc thái riêng của Khoa Tiếng Pháp ĐH Ngoại thương*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Khoa Tiếng Pháp, tháng 6 năm 2014.
12. Đinh Ngọc Lâm*, 2014, Cải tiến việc dạy và học ngoại ngữ trên quan điểm phát triển năng lực người học.* Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Khoa Tiếng Pháp, tháng 6 năm 2014.
13. Alain Lempereur, *L'argumentation,* Colloque de Cerisy, Mardaga.
14. Catherine Kerbrat-Orecchioni, *La connotation*, Presses Universitaires de Lyon France.
15. Armand Colin, Catherine Kerbrat Orecchioni, *l'Enonciation de la subjectivite dans le langage.*
16. Durieux Ch., *Fondement didactique de la traduction technique*, Didier, Hatier.
17. Claude Bedat, 1986*, La traduction technique: Principe et Pratique*. Linguatech
18. Sophie Moirand, 1979, *Situation d'Ecrit*, Cle international.
19. Slescovich D., *L'Interprète de conférence*, ESIT, Paris
20. Jean Delisle, 1980, *L'Analyse du discours comme méthode de traduction*, Universite d'Ottawa.
21. Jean Michel Adam, 1991*, Eléments linguistique textuelle*, Mardaga
22. Chomsky N., 1997, *Réfexions sur le langage*, Flammarion, Paris.

ĐOÀN LÃNH ĐẠO CẤP CAO CỦA CHÍNH PHỦ NEW ZEALAND SANG THĂM VÀ CHÚC MỪNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG NHÂN DỊP KỶ NIỆM 55 NĂM THÀNH LẬP TRƯỜNG

Ngày 16/11/2015 vừa qua, nhân dịp kỷ niệm 40 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - New Zealand, đồng thời nhân dịp trường Đại học Ngoại thương tròn 55 tuổi, phái đoàn đại biểu cấp cao của New Zealand dẫn đầu là Nguyên Thủ tướng James Bolger đã sang thăm và chúc mừng trường ĐH Ngoại thương.

Phái đoàn New Zealand, dẫn đầu có: Ngài James Bolger - Nguyên Thủ tướng New Zealand; Ngài Lester Khoo - Giám đốc Quan hệ và Phát triển quốc tế, ĐH AUT; Bà Jane Tran - Tư vấn chính phủ về giáo dục cùng các cán bộ cấp cao của trường ĐH AUT đã có buổi làm việc hiệu quả với lãnh đạo và sinh viên trường ĐH Ngoại thương.

Ngài James Bolger - Nguyên Thủ tướng New Zealand dẫn đầu phái đoàn Ngoại giao sang thăm và chúc mừng trường ĐH Ngoại thương nhân dịp 55 năm thành lập trường

Về phía trường ĐH Ngoại thương, tới tham dự có: PGS, TS Bùi Anh Tuấn - Hiệu trưởng Trường ĐH Ngoại thương; TS Đào Thị Thu Giang - Phó Hiệu trưởng Trường ĐH Ngoại thương, Giám đốc Dự án; PGS, TS Vũ Hoàng Nam - Trưởng Phòng Hợp tác quốc tế; TS Hồ Thúy Ngọc - Trưởng Khoa Đào tạo Quốc tế.

Nhân dịp kỷ niệm 40 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - New Zealand, Nguyên Thủ tướng đã sang thăm và chúc mừng trường ĐH Ngoại thương nhân dịp kỷ niệm 55 năm thành lập trường. Ngài James Bolger đã có buổi gặp gỡ PGS, TS Bùi Anh Tuấn - Hiệu trưởng Trường ĐH Ngoại thương chúc mừng

trường ĐH Ngoại thương nhân sự kiện quan trọng này. Trong buổi gặp gỡ giữa lãnh đạo hai bên, Ngài James Bolger đánh giá cao mối quan hệ giữa hai nước kể từ khi thiết lập mối quan hệ ngoại giao. Cũng nhờ sự phát triển đó, hai nước Việt Nam - New Zealand ngày càng có nhiều cơ hội hợp tác đào tạo trong lĩnh vực giáo dục. Sinh viên Việt Nam có nhiều cơ hội được tiếp xúc với nền giáo dục nước ngoài, có cơ hội được đặt chân tới đất nước xinh đẹp và tiên tiến như New Zealand. Hy vọng, qua những chương trình hợp tác giáo dục, mối quan hệ giữa hai nước ngày càng phát triển hơn.

Ngài James Bolger - Nguyên Thủ tướng New Zealand chúc mừng trường ĐH Ngoại thương nhân dịp 55 năm thành lập trường, đồng thời đánh giá cao mối quan hệ hợp tác phát triển giữa hai nước sau 40 năm thiết lập quan hệ ngoại giao.

Nhân dịp sang chúc mừng Trường ĐH Ngoại thương nhân dịp 55 thành lập trường, ĐH Auckland (New Zealand) và Trường ĐH Ngoại thương đã ký kết thành công Biên bản ghi nhớ thực hiện Dự án Mạng lưới tình nguyện quốc tế tại Việt Nam. Dự án này sẽ

giúp cho học sinh, sinh viên Việt Nam cải thiện, nâng cao kỹ năng tiếng Anh dưới sự hỗ trợ giảng dạy trực tiếp của đội ngũ tình nguyện viên quốc tế đến từ trường ĐH AUT.

Trường ĐH Ngoại thương và ĐH AUT ký kết thành công Biên bản ghi nhớ thực hiện Dự án Mạng lưới tình nguyện viên quốc tế tại Việt Nam

Ngay sau Lễ ký kết là buổi tọa đàm giữa phái đoàn New Zealand và sinh viên trường ĐH Ngoại thương. Các em sinh viên đều rất hào hứng với buổi thảo luận này. Tại đây, các em được giải đáp trực tiếp các vấn đề liên quan đến đất nước New Zealand, về chương trình học và các cơ hội học bổng đến từ các trường ĐH tại New Zealand. Với sự tư vấn nhiệt tình từ các thầy cô của ĐH AUT, sinh viên Ngoại thương lại có thêm cho mình nhiều lựa chọn cho con đường học tập sau này.❑

TIẾP ĐÓN VÀ LÀM VIỆC VỚI BỘ GIÁO DỤC VÀ THỂ THAO LÀO

Ngày 09/12/2015 vừa qua, trường Đại học Ngoại thương đã tổ chức tiếp đón đoàn đại biểu đến từ Bộ Giáo dục và Thể thao Lào nhằm mục đích trao đổi kinh nghiệm về công tác khảo thí và kiểm định chất lượng tại trường và tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam.

Tới tham dự và làm việc, về phía bên phía Bộ Giáo dục và Thể thao Lào có sự hiện diện

của Ông Saykhong Saynasine - Phó Giám Đốc ĐHQG Lào, Ông Panya Chanthavong - Phó Giám Đốc Trung Tâm KTKĐCLGD Lào, Bà Pongming Sisavath - Phó Vụ Trưởng Văn Phòng Đảng Bộ Lào, Ông Khamphone Sibounheuang - Phó chánh Văn phòng Bộ Lào và một số cán bộ công tác và làm việc tại trường Đại học Quốc Gia Lào.

Về phía Cục Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng Giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo có sự góp mặt của PGS, TS Trần Văn Nghĩa - Phó cục trưởng cùng một số đại diện của Cục KT&KĐCKGD.

Về phía trường Đại học Ngoại thương, có sự tham dự của PGS, TS Bùi Anh Tuấn - Hiệu trưởng nhà trường, PGS, TS Nguyễn Văn Hồng - Phó hiệu trưởng nhà trường, PGS, TS Nguyễn Văn Thoan - Giám đốc Trung tâm Thông tin và Khảo thí, ThS Đào Thị Thu Hà - Phó trưởng phòng Hợp tác Quốc tế, ThS Võ Sỹ Mạnh - Giám đốc Trung tâm Đảm bảo Chất lượng, và các cán bộ Trung tâm ĐBCL.

Tại buổi làm việc, các bên đã cùng nhau trao đổi, bàn bạc, chia sẻ các nội dung về kinh nghiệm tổ chức các hoạt động khảo thí và đảm bảo chất lượng của nhà trường cũng như kinh nghiệm của trường đại học Ngoại thương khi đăng cai tổ chức Hội nghị mạng lưới chất lượng châu Á - Thái Bình Dương (APQN) năm 2014.

Thay mặt Bộ Giáo dục và Thể thao Lào, PGS TS Saykhong Saynasin đã cảm ơn những chia sẻ quý báu của trường Đại học Ngoại thương và hai bên dự kiến sẽ có những buổi làm việc tiếp theo nhằm mang lại lợi ích cho cả 2 bên và mở ra những hướng hợp tác mới trong tương lai.❑

ĐIỂM TIN KINH TẾ

I. TIN KINH TẾ THẾ GIỚI

1. Giá dầu tiếp tục xuống dốc không phanh

Giá dầu trong phiên giao dịch sáng 7/12/2015 đã hạ gần 6%. Trên thị trường London, giá dầu Brent giảm 2,27 USD/thùng, tương đương 5,3%, xuống 40,73 USD/thùng. Trên thị trường New York, giá dầu thô giảm 1,91 USD/thùng tương đương 4,6%, xuống 39,94 USD/thùng.

Việc giá dầu giảm sâu cũng tác động không nhỏ tới thị trường chứng khoán. Cổ phiếu của các tập đoàn năng lượng lớn niêm yết trên sàn chứng khoán Mỹ đồng loạt giảm mạnh. Chỉ số Dow Jones mất 117 điểm tương đương 0,66% trong phiên đầu tuần, cổ phiếu nhóm ngành năng lượng giảm đến 4,17%. Nguyên nhân là trong khi hiện nay thế giới đang chứng kiến tồn kho dầu toàn cầu gia tăng thì Tổ chức Các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) quyết định giữ nguyên mức sản lượng hiện tại trong cuộc họp chính sách lần gần nhất. Cùng lúc đó, Mỹ cũng không chịu thu hẹp hoạt động sản xuất năng lượng.

Chỉ đến những tháng gần đây, Mỹ mới chịu giảm nhẹ sản lượng. Điều này không có tác động đến việc thay đổi cục diện tình hình. Hậu quả là giá dầu giảm xuống thấp nhất trong 7 năm và các chuyên gia còn đưa ra dự báo giá sẽ chưa thể phục hồi trong năm 2017.

2. Giá vàng thế giới cũng tiếp tục giảm mạnh

Chốt phiên Mỹ ngày 7/12/2015, mỗi ounce vàng quốc tế giảm hơn 15 USD, xuống còn quanh 1.071 USD và rẻ hơn giá vàng tại Việt Nam trên 4,1 triệu đồng mỗi lượng.

Theo hãng tin Reuters, giá vàng thế giới đã giảm 9,5% trong năm nay và năm 2015 có khả năng sẽ trở thành năm mất giá thứ ba liên tục của kim loại quý này. Lí do là giá vàng thế giới vẫn đang chịu sức ép giảm do dự báo Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) sẽ nâng lãi suất trong cuộc họp diễn ra vào tuần sau.

Bên cạnh đó chỉ số đồng USD tăng mạnh cùng với việc giá dầu thô giảm mạnh xuống mức thấp nhất gần 7 năm qua cũng có tác động tiêu cực đến giá vàng. Tuy nhiên, các chuyên gia thông báo một điểm nhìn lạc quan hơn là với việc FED tăng lãi suất với tốc độ từ tốn và đồng đô-la tăng trưởng mạnh thì giá vàng sẽ tạm tránh được nguy cơ giảm sâu hơn.

3. Myanmar khai trương sàn chứng khoán

Myanmar dự kiến ngày 9/12 sẽ khai trương sàn giao dịch chứng khoán đầu tiên của nước này, mở ra những cơ hội mới cho các nhà đầu tư. Sở Giao dịch Chứng khoán Yangon (YSX) được thành lập bởi Ngân hàng Kinh tế Myanmar, công ty chứng khoán Daiwa Securities của Nhật, và Japan Exchange Group với vốn đầu tư ban đầu là 24 triệu USD.

Việc đưa YSX vào hoạt động được coi là một bước đệm trong tiến trình hiện đại hóa đang diễn ra nhanh chóng ở Myanmar sau khi các lệnh trừng phạt của phương Tây bị gỡ bỏ năm 2013. Một số chuyên gia e ngại YSX không thu hút nhiều công ty và sẽ chịu chung số phận như một số nước láng giềng. Vì ở Myanmar chỉ các công ty địa phương mới được phép niêm yết, giao dịch cũng phải thực hiện bằng nội tệ và luật cho phép nhà đầu tư ngoại tham gia vào thị trường hiện vẫn chưa có.

Tuy nhiên, Myanmar vẫn lạc quan cho rằng để thị trường chứng khoán YSX sẽ phát triển nhanh và lành mạnh nếu có các quy định minh

bạch và chặt chẽ. Vì vậy, họ kỳ vọng có 6 hoặc 7 công ty tham gia YSX giai đoạn đầu, trong đó có các doanh nghiệp như Myanmar Citizens Bank, Myanmar Thilawa Public Company và First Myanmar Investment.

4. FED: Lãi suất vào cuối năm có thể tăng

Báo cáo của Ủy ban Thị trường mở liên bang (FOMC) Mỹ cho biết, Fed có thể sẽ nâng mức lãi suất tiêu chuẩn lên thêm 25 điểm cơ bản (0,25 điểm phần trăm) vào phiên họp của Ủy ban Thị trường mở vào ngày 15 - 16/12 tới. Bởi các chuyên gia cho rằng các điều kiện cần và đủ cho việc điều chỉnh tăng lãi suất cơ bản sẽ được đáp ứng trong tháng 12 tới.

Qua các báo cáo cho thấy sự cải thiện rõ nét với việc tạo thêm 270.000 việc làm mới trong tháng 10 vừa qua. Tỷ lệ thất nghiệp chỉ còn 5% - giảm một nửa so với mức đỉnh sau năm 2008.

Trong phiên điều trần mới nhất trước Quốc hội, Chủ tịch FED Janet Yellen cũng bày tỏ quan điểm không thể duy trì chính sách lãi suất thấp ở mức quá lâu vì có thể gây ra những rủi ro tiềm tàng cho hệ thống tài chính trong tương lai.

Sau báo cáo của FOMC, các nhà đầu tư lập tức có phản ứng khiến các chỉ số chứng khoán chủ lực tại Mỹ đồng loạt tăng giá. Tại Mỹ, chỉ số Dow Jones tăng 1,11%, chỉ số Standard & Poor 500 tăng 1,26%, trong khi chỉ số Nasdaq Composite tăng 1,44%. Đồng USD trong ngày cũng tăng 0,02% so với các ngoại tệ mạnh khác. Như phân tích được đề cập ở trên, việc tăng lãi suất giúp hạn chế việc giảm giá vàng thế giới.

II. TÌNH HÌNH THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

1. Cán cân thương mại

*** Tổng quan**

Có thể nhận thấy, kì I tháng 11 (từ 01/11 đến 15/11) là khoảng thời gian ảm đạm cho thương mại Việt Nam, khi cả giá trị xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng trưởng âm. Cụ thể, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu kì này đạt

Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam từ 01/01 đến 15/11/2015 so với cùng kỳ năm 2014

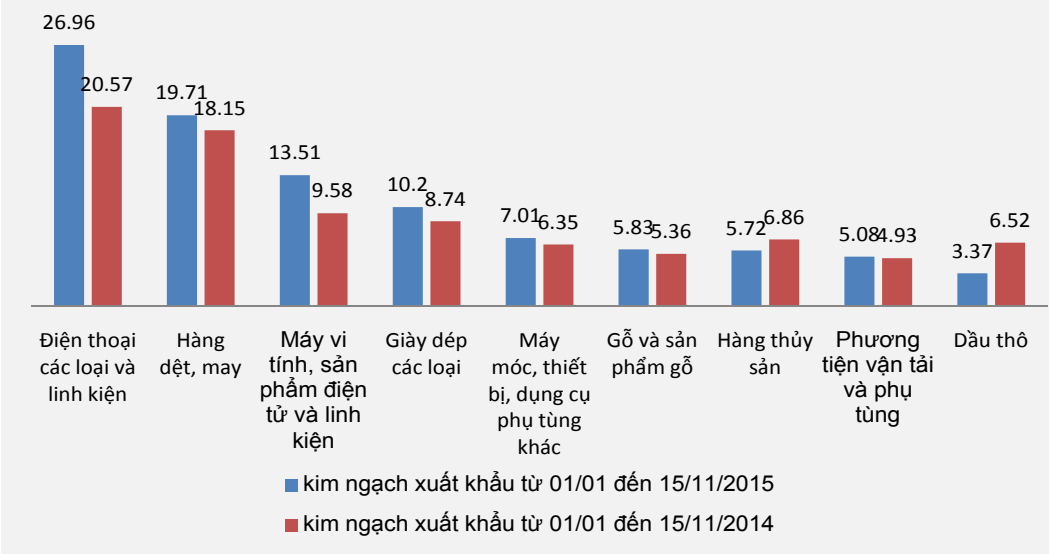

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu của Tổng cục Hải quan

13,26 tỷ USD, giảm 1,82 tỷ USD so với nửa cuối tháng 10. Cán cân thương mại hàng hóa cả nước trong kỳ này thâm hụt 273 triệu USD, góp phần đưa thâm hụt thương mại cả nước từ đầu năm lên 2,74 tỷ USD. Tuy nhiên, nếu xét về lũy kế thì tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước vẫn tăng 10,6% so với cùng kỳ năm 2014, đạt 285,6 tỷ USD.

*** Xuất khẩu**

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu trong kỳ I tháng 11 của Việt Nam đạt 6,49 tỷ USD, giảm 16,2% so với kỳ trước. Lũy kế xuất khẩu hàng hóa cả nước tính đến hết ngày 15/11/2015 đạt 140,87 tỷ USD, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm 2014.

Sự suy giảm của một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực như hàng dệt may, điện tử, linh kiện,... đã kéo kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng này xuống. Cụ thể: hàng dệt, may giảm 254 triệu USD; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện giảm 109 triệu USD, điện thoại các loại và linh kiện giảm 88 triệu USD; hàng thủy sản giảm 80 triệu USD; gỗ và sản phẩm gỗ giảm 66 triệu USD và sắt thép các loại giảm 57 triệu USD....

*** Nhập khẩu**

Trị giá hàng hóa nhập khẩu của Việt Nam trong kỳ này cũng giảm 7,7% so với tháng trước, đạt 6,77 tỷ USD. Lũy kế nhập khẩu hàng hóa của cả nước tính đến thời điểm 15/11/2015 đạt 144,73 tỷ USD, tăng 13,2% so với cùng kỳ năm ngoái.

Nguyên nhân cho sự sụt giảm này là sự giảm ở một số nhóm hàng nhập khẩu chính như điện thoại các loại và linh kiện giảm 157 triệu USD; phương tiện vận tải khác và phụ tùng giảm 86 triệu USD; xăng dầu các loại giảm 86 triệu USD; vải các loại giảm 65 triệu USD; máy móc thiết bị dụng cụ và phụ tùng giảm 56 triệu USD…

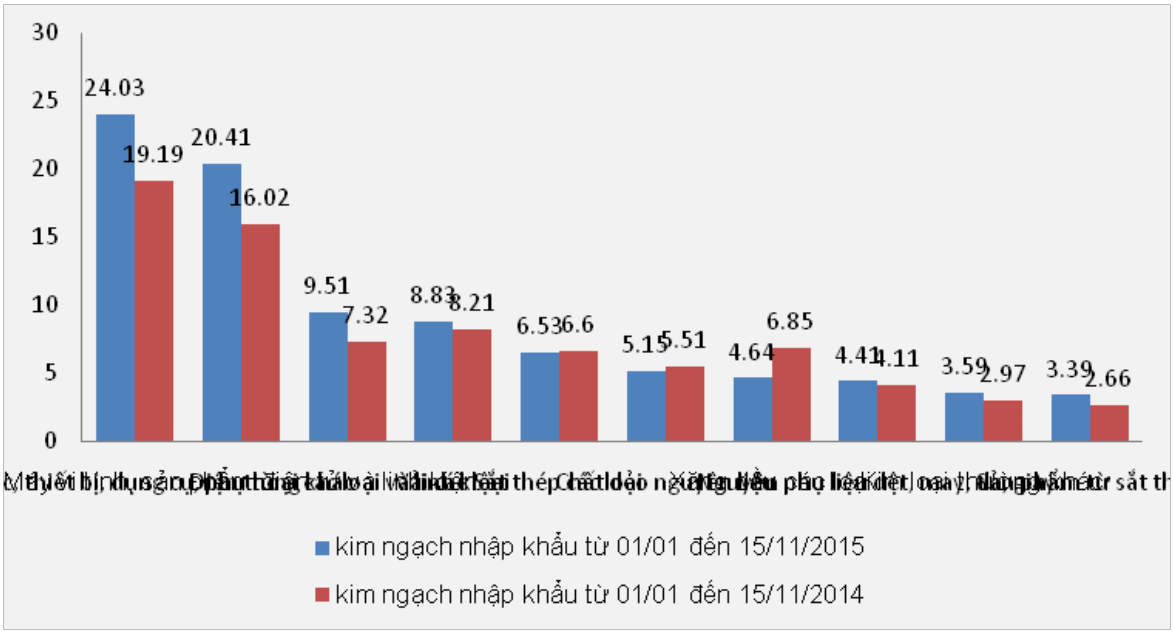

Biểu đồ 2: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ 01/01 đến 15/11/2015 so với cùng kỳ năm 2014

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Biểu đồ 3: Thống kê tổng kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu và cán cân thương mại hàng hóa giữa Việt Nam- EU giai đoạn 2005 -2012

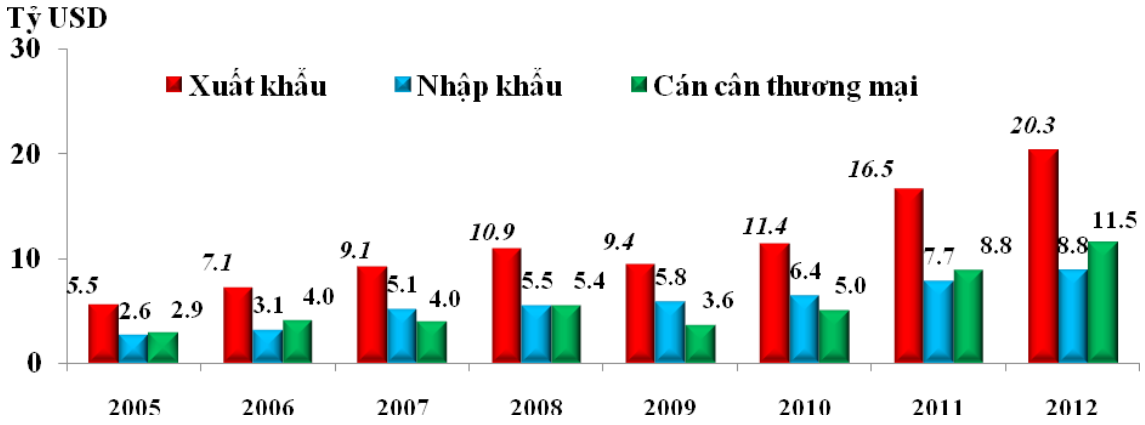

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu của Tổng cục Hải quan

2. Quan hệ thương mại Việt Nam - EU

Năm 2015 là một cột mốc, đánh dấu hàng loạt các hiệp định thương mại quan trọng của Việt Nam, có ảnh hưởng lớn đối với nền kinh tế nước nhà. Tiếp sau hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) là hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) mới được hoàn thành hồi đầu tháng 12.

Kỳ này ta cùng tìm hiểu về xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường đầy tiềm năng nhưng vô cùng khó tính này

Việt Nam - EU thiết lập mối quan hệ thương mại vào tháng 11/1990. Trải qua 25 năm tồn tại và phát triển, ngày nay, phạm vi hợp tác song phương trải rộng trên khắp các lĩnh vực như chính trị, văn hóa, giáo dục, thương mại,...EU luôn là thị trường, bạn hàng lớn của Việt Nam.

Lượng xuất khẩu của Việt Nam sang EU tăng trưởng bình quân 21% trong giai đoạn 2005 - 2013, và tiếp tục tăng trong năm 2014. Cụ thể, vào năm 2005, Việt Nam xuất sang thị trường này 5.5 tỷ USD, thì đến năm 2010 là 11.4 tỷ USD, tăng gấp hơn 2 lần so với năm 2005. Và sang năm 2011, con số này lên đến 16.5 tỷ USD, tăng 44,7% so với năm 2010. 16.5 tỷ USD cũng là giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang EU, nhưng là trong nửa đầu năm 2015.

Các mặt hàng chính mà EU nhập khẩu từ Việt Nam bao gồm điện thoại và linh kiện; da giày, hàng dệt may,... cụ thể như sau:

Bảng 1 : kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng của Việt Nam sang thị trường EU

Mặt hàng	Điện thoại và linh kiện	Giày dép các loại	Hàng dệt may	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	Hàng thủy sản	Túi sách, ví, vali, mũ, ô dù
Kim ngạch (tỷ USD)	4,97	2	1,54	1,45	0,547	0,384

Nguồn: Tổng cục hải quan

Kim ngạch thương mại hai chiều, đặc biệt là xuất khẩu của Việt Nam luôn tăng trưởng ổn định, bất chấp những biến động của thế giới có được do những chính sách ưu đãi, các hiệp định tự do thương mại đã đạt được của đôi bên. Dấu mốc quan trọng đầu tiên là việc ký kết Hiệp định Hợp tác Khung (FCA) vào năm 1995 và bắt đầu có hiệu lực tháng 6/1996. Nội dung chính của hiệp định là đảm bảo sự phát triển bền vững của thương mại song phương, bên cạnh đó còn giúp Việt Nam tiến tới nền kinh tế thị trường.

Đến tháng 6/2012, Hiệp Định Đối Tác Và Hợp Tác Toàn Diện EU - Việt Nam (PCA) đã mở rộng hơn nữa quan hệ đối tác của hai bên. Từ những cơ sở có trước, 4/12/2015 Việt Nam - EU đã công bố thành công ký kết hiệp định thương mại tự do (EVFTA) dự kiến sẽ có hiệu lực năm 2018. Sự đột phá này hứa hẹn sẽ mang lại nhiều cơ hội cũng như thách thức cho Việt Nam. Trước hết là cơ hội rất lớn cho các mặt hàng xuất khẩu của nước ta khi hàng rào thuế quan được gỡ bỏ phần nào, cùng với đó là một số chính sách như Hệ Thống Ưu Đãi Thuế quan Phổ Cập (GSP). Các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam cần nắm chắc cơ hội này để đẩy mạnh thị trường cũng như nâng cao hơn nữa vị thế của mình ở "sân chơi" lớn này.

III. CHÍNH SÁCH VÀ DOANH NGHIỆP

1. Quy định mới về đăng ký doanh nghiệp

Từ ngày 01/11/2015, Nghị định số 78/2015/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp bắt đầu có hiệu lực thi hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong khâu gia nhập, hoạt động và rút khỏi thị trường.

Theo đó, hồ sơ và các trình tự thủ tục đăng ký doanh nghiệp được quy định một cách cụ thể với những nội dung cơ bản như: công khai thông báo mẫu con dấu của doanh nghiệp góp phần tạo điều kiện tối đa để doanh nghiệp hoạt động thuận lợi, tăng chỉ số khởi sự kinh doanh trong nước; mở rộng đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử tạo một công cụ hiệu quả, nhanh chóng, tiện lợi giúp cho quá trình đăng ký trở nên dễ dàng.

Bên cạnh đó, nguyên tắc giải quyết đăng ký thành lập mới, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp đã được quy định cụ thể tại Nghị định. Đồng thời rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp xuống còn 03 ngày làm việc.

2. Quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bất động sản

Từ ngày 01/11/2015, Nghị định số 76/2015/NĐ-CP bắt đầu có hiệu lực về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản. Theo đó, các nội dung được qui định rõ như: điều kiện của tổ chức, cá nhân kinh doanh bất động sản; chuyển nhượng hợp đồng thuê mua công trình, nhà ở có sẵn hoặc sẽ hình thành trong tương lai. Ngoài ra, Nghị định cũng qui định rõ thủ tục chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án bất động sản cùng với các loại hợp đồng mẫu trong kinh doanh bất động sản.

3. Giám sát và đánh giá đầu tư

Bắt đầu có hiệu lực từ ngày 20/11/2015, Nghị định số 84/2015/NĐ-CP của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư quy định cụ thể các nội dung về:

- Các chủ thể thực hiện giám sát và đánh giá đầu tư.

- Nguyên tắc của giám sát và đánh giá đầu tư, chi phí thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư.

- Giám sát và đánh giá những chương trình, dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn Nhà nước.

- Giám sát và đánh giá dự án đầu tư công cộng, đầu tư ra nước ngoài, sử dụng nguồn vốn khác hoặc theo hình thức đối tác công tư.

- Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện giám sát, tư vấn đánh giá dự án đầu tư cùng các điều khoản thi hành.

- Tổ chức giám sát, đánh giá việc thi hành.

IV. HỘI NHẬP - ASEAN VÀ QUỐC TẾ

1. TPP và bài toán hạt gạo

Liệu việc xóa bỏ thuế nhập khẩu gạo của 8/12 nước tham gia TPP có mang lại lợi ích to lớn thật sự cho hạt gạo Việt Nam?

Câu chuyện "được và mất" trong thương mại quốc tế nói chung và trong TPP nói riêng không chỉ xét trên khía cạnh khách quan như tài nguyên, vị trí địa lí hay nguồn nhân lực dồi dào mà còn trên khía cạnh chính trị, xã hội như văn hóa, chính sách, truyền thống… Vì vậy, khó có thể nói, hạt gạo, một mặt hàng lợi thế của Việt Nam, "được" nhiều từ TPP.

Điều kiện khí hậu, tài nguyên thiên nhiên mang đến cho Việt Nam ưu thế sản xuất lúa gạo nổi trội, với sản lượng gạo chiếm gần 59% tổng sản lượng trung bình của các nước trong khối TPP, tính trong 10 năm qua.

Nhưng thực tế, gạo xuất khẩu của Việt Nam vào khối này đạt 760.000 tấn trên tổng lượng nhập khẩu của khối là 4,69 triệu tấn gạo. Nhật Bản, nước đối tác quan trọng của Việt Nam, nhập khẩu tương đối hạn chế hạt gạo Việt.

Nguyên nhân được cho là sự mất lòng tin của các nhà nhập khẩu gạo nước ngoài, cũng như chất lượng gạo thấp, tồn dư hóa chất trong sản phẩm hay là thương hiệu yếu, không truy xuất được nguồn gốc, chủng loại.

Không thể phủ nhận tư duy sản xuất còn manh mún, nhỏ lẻ của người nông dân, thói quen trộn lẫn nhiều loại gạo của thương lái và phương thức kinh doanh hạn chế từ các doanh nghiệp. Tuy đã có thay đổi về hướng sản xuất gạo hữu cơ, gạo "chức năng", về phân loại, phân cấp sản phẩm và thị trường và về kỹ thuật sản xuất nhưng ngành lúa gạo vẫn chưa đạt bước tiến tương xứng với tiềm năng.

Bên cạnh thay đổi tích cực từ chính các hộ nông dân và doanh nghiệp, chính sách khuyến khích sản xuất, tạo điều kiện hộ trợ doanh nghiệp từ chính phủ, chú trọng phát triển hoàn thiện cánh đồng mẫu lớn cũng góp phần rất quan trọng cho "thắng lợi" của hạt gạo Việt trên trường quốc tế. Tăng cường liên kết giữa các "nhà", đổi mới tư duy, cải cách chính sách là những nhân tố giúp Việt Nam tận dụng tốt nhất lợi thế TPP đem lại.

2. Vốn nước ngoài vào ASEAN liên tục tăng

Năm 2015 đánh dấu năm thứ 3 liên tiếp vốn FDI tăng với các con số 117,7 tỷ USD năm 2013 và 136,2 tỷ USD năm 2014 trong khi FDI toàn cầu sụt giảm 16%.

ASEAN được đánh giá là môi trường đầu tư ổn định, nền tảng kinh tế vững mạnh, tăng tưởng đều. Điều này tạo nên sức hấp dẫn dòng vốn FDI. Không chỉ có sự đổ dồn "ồ ạt" của vốn ngoại khối, vốn nội khối ASEAN cũng đạt 24,4 tỷ USD so với mức 19,4 tỷ USD năm 2014.

3. Các sự kiện về TPP

Trong ngày 23/11, Đảng ủy Khối doanh nghiệp Thương mại trung ương (DNTMTW) thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức Hội nghị chuyên đề về Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Hội nghị có sự tham dự của ông Trương Đình Tuyển - nguyên Bộ trưởng Bộ Thương mại, thành viên các ban thuộc Đảng bộ, đảng ủy, công đoàn Khối DNTMTW tại TP. Hồ Chí Minh cùng lãnh đạo doanh nghiệp trong khối. Hội nghị tập trung giới thiệu, phân tích "lợi, hại" của các hiệp định thương mại tự do Việt Nam đã và đang tham gia để từ đó, các doanh nghiệp và nhà nước có phương án tối ưu nhất trước hội nhập đang đến rất gần.

Sáng 24/11, hội thảo "Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) - Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam" được phối hợp tổ chức bởi Sở Công thương tỉnh Thừa Thiên Huế và Viện Nghiên cứu thương mại (Bộ Công Thương) với sự tham dự của hơn 100 đại biểu cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, hiệp hội địa phương. Nội dung hội nghị xoay quanh lợi ích vĩ mô và thách thức TPP sẽ mang lại, cùng kiến thức hội nhập cho các nhà kinh doanh, nhà quản lí. Không khí hội nghị mang tính xây dựng cao, nhiều câu hỏi đã được thảo luận về thể chế, môi trường kinh doanh…

Ngày 25/11, hội thảo "Cơ hội, thách thức đối với cộng đồng doanh nghiệp khi Việt Nam khi được công nhận là nền kinh tế thị trường và gia nhập Hiệp định TPP" được tổ chức bởi Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Hải Phòng với sự tham dự của đại diện Bộ Công Thương, lãnh đạo sở, ban, ngành của thành phố và gần 100 lãnh đạo doanh nghiệp trên địa bàn. Hội thảo nhằm cung cấp thông tin cho doanh nghiệp về TPP, cũng là cơ hội trao đổi, giải quyết, tư vấn của các chuyên gia về thắc mắc của doanh nghiệp trong hiệp định này.❑

AEC KHÔNG TOÀN MÀU HỒNG

Ngày 11-12, tại hội thảo "Cộng đồng ASEAN và Chương trình hành động của Việt Nam" với sự tham dự của hơn 150 đại biểu đến từ các bộ, tổ chức chính trị - xã hội, các doanh nghiệp (DN), hiệp hội ngành nghề, chuyên gia... những thách thức từ Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) tiếp tục được đặt ra.

Nhiều doanh nghiệp sẽ đóng cửa

Phó Thủ tướng - Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Bình Minh tỏ ra lo ngại khi theo điều tra mới đây của một số học giả trong nước và của Ban Thư ký ASEAN, nhận thức về Cộng đồng ASEAN, về cơ hội và thách thức từ việc hình thành Cộng đồng ASEAN của doanh nhân, sinh viên và người dân Việt Nam nói chung ở mức thấp, nhất là so với Singapore, Thái Lan và Malaysia.

Thời điểm Cộng đồng ASEAN bắt đầu có hiệu lực vào cuối năm 2015, các DN Việt Nam sẽ phải đối mặt với sức ép cạnh tranh rất lớn trước hàng hóa và dịch vụ nhập khẩu từ ASEAN, từ đầu tư của các nước ASEAN. Một số DN có thể phải thu hẹp sản xuất, thậm chí đóng cửa.

Nhấn mạnh AEC là một bước phát triển tiếp theo, nâng cao hơn của khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) mà Việt Nam đã tham gia gần 20 năm, ông Nguyễn Sơn, Phó Vụ trưởng Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế - Bộ Công Thương, cho rằng cơ hội lớn nhất từ AEC là tạo ra một thị trường khu vực liên kết khi tất cả hàng rào thuế, phi thuế giữa 10 nước được loại bỏ, các nước ASEAN sẽ có thị trường 625 triệu dân, GDP 2.600 tỉ USD.

Khu vực ASEAN cũng như các nước trong khu vực đều sở hữu rất nhiều FTA. Một DN khi đầu tư vào thị trường này không chỉ tiếp cận thị trường khu vực ASEAN mà còn có cơ hội thâm nhập những thị trường mà ASEAN đang có FTA. Khi đó, các nước ASEAN có sự cạnh tranh lớn về thu hút đầu tư nước ngoài.

KINH TẾ VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM THÁNG 10 NĂM 2015 QUA CÁC CON SỐ THỐNG KÊ CHỦ YẾU

1. Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa*

	Trị giá (tỷ USD)	So với 9/2015	Trị giá (Triệu USD)	Tốc độ tăng so với T7/2014 (%)
Xuất khẩu	14.31	1.7	134.41	8.5
Nhập khẩu	13.81	-1.8	137.99	13.6
Nhập siêu	0.5		-3.58	

**Nguồn: Tổng cục Hải quan*

2. Mặt hàng xuất nhập khẩu chủ yếu (triệu USD)*

Nhóm/Mặt hàng chủ yếu	Tháng 5/2015 Triệu (USD)	Tăng giảm so với tháng trước (%)	10 tháng đầu năm 2015	Tăng giảm so với cùng kì năm trước (%)
Mặt hàng XK				
Hàng thủy sản	675.950	7.4	5,425.038	-16.9
Hàng rau quả	146.435	-1.8	1,523.761	22.0
Hạt điều	228.900	5.6	1,998.674	-31.1
Cà phê	171,011	2.5	2,143.239	-31.1
Gạo	353.304		83.5	-11.1
Sắn và các sản phẩm từ sắn	82.446	7.6	1,100.981	19.4
Dầu thô	275.806	12.8	3,261.682	-48.3
Sản phẩm từ chất dẻo	181.744	8.0	1,712439	1.3
Cao su	157.942	8.6	1,225.398	-15.4
Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	228.675	-0.4	2,393.911	14.3
Gỗ và sản phẩm gỗ	634.541	12.6	5,536.169	9.1
Xơ, sợi dệt các loại	201.679	0.3	2,119.236	-0.6
Hàng dệt, may	1,980.132	-7.4	18,952.831	9.0
Giày dép các loại	959.121	18.7	9,074.356	17.0
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	139.465	4.5	1,186.811	31.7
Sắt thép các loại	135.060	5.5	1,421.123	-14.2
Sản phẩm từ sắt thép	145.639	-1.0	1,467.559	1.2

Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	1,468.482	8.2	12,807.031	44.7
Điện thoại các loại và linh kiện	2,667.606	-5.7	25,667.176	31.8
Máy ảnh, máy quay phimvà linh kiện	323.642	17.8	2,475.080	53.5
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	773.746	9.5	6,635.485	9.4
Phương tiện vận tải và phụ tùng	485.564	-3.9	4,834.798	2.1
Mặt hàng NK				
Ngô	127.594	-29.0	1,269.669	33.6
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	267.760	-15.0	2,821.898	3.1
Xăng dầu các loại	483.413	63.6	4,467.961	-33.7
Sản phẩm khác từ dầu mỏ	76.470	-6.8.	858.943	0.5
Hóa chất	237.621	-3.5	2,610.467	-5.3
Sản phẩm hóa chất	296.684	-0.3	2,891.754	6.2
Dược phẩm	211.838	11.7	1,856.448	11.4
Phân bón các loại	150.410	64.2	1,154.835	6.9
Chất dẻo nguyên liệu	538.163	5.3	4,885.463	-6.7
Sản phẩm từ chất dẻo	329.810	-2.9	3,112.411	20.5
Gỗ và sản phẩm gỗ	148.741	-14.7	1,771.293	-6.9
Giấy các loại	119.286	-1.3	1,164.223	-0.3
Bông các loại	114.143	-31.3	1,419.487	14.9
Xơ, sợi dệt các loại	127.542	3.6	1,264.474	-2.4
Vải các loại	908.221	9.8	8,934.827	7.9
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	439.615	8.7	4,216.185	8.0
Sắt thép các loại	576.561	3.2	6,275.673	0.3
Sản phẩm từ sắt thép	276.126	-4.7	3,257.850	30.0
Kim loại thường khác	395.189	-01	3,410.946	21.1
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	2,015.558	-6.1	19.346.903	28.4
Hàng điện gia dụng và linh kiện	93.287	5.1	1.050.159	28.3
Điện thoại các loại và linh kiện	978.088	2.5	9,117.045	31.8
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	136.127	-11.3	1,432.881	18.8

Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	2,161.372	-4.2	22,915.347	25.8
Ô tô nguyên chiếc các loại	229.882	17.1	2,338.723	102.4
Linh kiện, phụ tùng ô tô	250.340	-7.1	2,449.653	40.0

**Nguồn: Tổng cục Hải quan*

4. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và Đôla Mỹ (%)*

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 10 SO VỚI				10 tháng đầu năm 2015 so với cùng kỳ 2014
	Kì gốc năm 2009	Tháng 10 năm 2014	Tháng 12 năm 2014	Tháng 9 năm 2015	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	**159.37**	**100.00**	**100.51**	**100.11**	**100.67**
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	165.16	100.81	100.76	100.19	**101.59**
Lương thực	169.28	101.30	101.35	100.34	**102.16**
Thực phẩm	168.10	102.49	100.65	99.71	**102.85**
Ăn uống ngoài gia đình	176.54	101.87	101.77	100.01	**102.15**
Đồ uống và thuốc lá	145.06	102.03	101.72	100.11	**102.17**
May mặc, giày dép và mũ nón	155.47	103.20	102.33	100.20	**103.37**
Nhà ở và vật liệu xây dựng	165.70	98.40	100.13	99.99	**98.02**
Thiết bị và đồ dùng gia đình	136.39	101.78	101.44	100.12	**102.09**
Thuốc và dịch vụ y tế	198.91	101.67	101.60	100.01	**102.21**
Dịchvụ y tế	228.89	101.66	101.65	100.00	**102.24**
Giao thông	130.87	87.71	93.07	99.95	**87.59**
Bưu chính viễn thông	87.40	100.43	99.64	99.97	**100.41**
Giáo dục	215.97	102.38	102.31	100.05	**107.27**
Dịchvụgiáodục	231.34	102.50	102.45	100.05	**107.95**
Văn hoá, giải trí và du lịch	129.58	101.68	101.51	99.94	**101.65**
Đồ dùng và dịch vụ khác	160.95	102.65	102.08	100.10	**102.98**
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	**165.43**	**96.85**	**98.37**	**99.95**	**95.06**
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	**129.19**	**105.54**	**104.94**	**99.84**	**102.77**
LẠM PHÁT CƠ BẢN		**1.82**		**0.06**	**2.12**